

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐỨC PHỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 3919/QĐ-UBND

Đức Phố, ngày 28 tháng 7 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đơn giá cây trồng để thực hiện việc bồi thường,  
hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình:  
Kè chống sạt lở bờ các điểm dọc sông Trà Cầu  
Địa điểm: Phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phố**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỐ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy  
định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng  
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định  
cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và  
tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;*

*Căn cứ Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành đơn giá cây trồng để thực hiện việc  
bồi thường khi nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong  
năm 2023;*

*Xét Tờ trình số 241/TTr-BQL ngày 20/7/2023 của Ban Quản lý đầu tư xây  
dựng và Phát triển quỹ đất thị xã về việc đề nghị xác định đơn giá bồi thường cây  
cối, hoa màu chưa có tên trong bảng giá quy định hiện hành của UBND tỉnh  
Quảng Ngãi để xây dựng công trình: Kè chống sạt lở bờ các điểm dọc sông Trà  
Cầu; địa điểm: Phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phố;*

*Theo đề nghị của Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã Đức Phố tại Báo cáo  
kết quả thẩm định số 80/BC-PTC ngày 25/7/2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đơn giá cây trồng để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ  
khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình: Kè chống sạt lở bờ các điểm dọc  
sông Trà Cầu; địa điểm: Phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phố, (Chi tiết có phụ lục  
kèm theo).

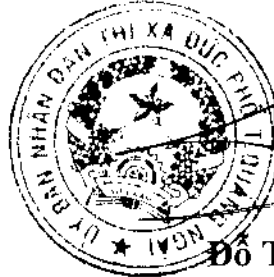
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và được áp dụng đến hết ngày 31/12/2023.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã; Trưởng các Phòng: Tài chính – Kế hoạch, Kinh tế; Chi cục trưởng Chi cục Thống kê thị xã; Giám đốc: Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thị xã, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã, Kho bạc Nhà nước Đức Phổ; Chủ tịch UBND phường Phổ Ninh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *ds*

- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*hu*  
**Đỗ Tâm Hiền**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐỨC PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**PHỤ LỤC**

Đơn xin trợ cấp để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình: Kè chống sạt lở bờ các điểm dọc sông Trà Câu  
Địa điểm: Phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ

(Kèm theo Quyết định số 3919 /QĐ-UBND ngày 28/7/2023  
của UBND thị xã Đức Phổ)

STT	Chủng loại, quy cách cây trồng	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)
<b>1</b>	<b>Cây ăn quả</b>		
<b>1.1</b>	<b>Chuối</b>		
	Cây con còn chung trong bụi	đồng/cây	8.000
	Cây mới trồng chưa mọc cây con (chưa thành bụi)	đồng/cây	25.000
	Cây chưa cho buồng	đồng/cây	40.000
	Cây có buồng	đồng/cây	100.000
<b>1.2</b>	<b>Đủ đủ</b>		
	Cây mới trồng cao <0,5m	đồng/cây	10.000
	Cây trồng cao ≥ 0,5m, chưa cho quả	đồng/cây	40.000
	Cây cho quả	đồng/cây	100.000
<b>1.3</b>	<b>Dứa, thơm (khóm)</b>		
	Cây mới trồng, chưa có bụi	đồng/cây	5.000
	Cây chưa cho quả	đồng/bụi	15.000
	Cây cho quả	đồng/bụi	25.000
<b>1.4</b>	<b>Dưa hấu, dưa hồng, dưa lê, dưa gang</b>		
	Cây mới trồng	đồng/m <sup>2</sup>	5.000
	Cây chưa cho quả	đồng/m <sup>2</sup>	10.000
	Cây đang cho quả	đồng/m <sup>2</sup>	20.000
<b>1.5</b>	<b>Cà chua</b>		
	Cây mới trồng, chưa phân cành	đồng/cây	2.000
	Cây phân cành, chưa cho quả	đồng/cây	5.000
	Cây cho quả	đồng/cây	10.000
<b>1.6</b>	<b>Ớt</b>		

STT	Loại, quy cách cây trồng	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)
	Cây mới trồng, chưa phân cành	đồng/cây	5.000
	Cây phân cành, chưa cho quả	đồng/cây	10.000
	Cây cho quả	đồng/cây	20.000
<b>2</b>	<b>Các loại cây rau</b>		
<b>2.1</b>	<b>Các loại cây rau ăn quả thuộc họ bầu bí (dưa chuột, bí đao, bầu, bí ngô, mướp, khổ qua, ...)</b>		
	Cây mới trồng	đồng/gốc	10.000
	Cây chưa cho quả, leo cọc và leo lên giàn	đồng/gốc	20.000
	Cây đang cho quả	đồng/gốc	40.000
<b>2.2</b>	<b>Cà pháo, cà xanh, cà tím (cà dài dê)</b>		
	Cây mới trồng, chưa phân cành	đồng/cây	5.000
	Cây chưa cho trái, đã đâm cành	đồng/cây	10.000
	Cây đang ra hoa hoặc có trái	đồng/cây	25.000
<b>2.3</b>	<b>Các loại cây lấy củ (cà rốt, củ cải), bắp cải, sắn dây</b>	đồng/m <sup>2</sup>	9.000
<b>2.4</b>	<b>Các loại cây rau xanh (rau muống, rau má, rau cải, rau dền, bồ ngót, mồng tơi, ...)</b>	đồng/m <sup>2</sup>	10.000
<b>2.5</b>	<b>Các loại cây dây leo (đậu ngự, đậu ván, đậu rồng, đậu cô ve, đậu đũa, su su, ...)</b>		
	Cây mới trồng chưa leo giàn	đồng/gốc	2.000
	Cây chưa cho quả, leo cọc và bò lên giàn	đồng/m <sup>2</sup> giàn	10.000
	Cây cho quả	đồng/m <sup>2</sup> giàn	15.000
<b>2.6</b>	<b>Các loại cây rau làm gia vị thực phẩm (ngò, sả, tía tô, thì là, húng quế, húng dũi, rau thơm, diếp cá, ...)</b>	đồng/m <sup>2</sup>	20.000
<b>3</b>	<b>Đơn giá hỗ trợ công di chuyển cây kiểng</b>		
	<b>Cây cảnh các loại: Mai xuân, mai tứ quý, mai chiếu thủy, mai quế hương, lộc vừng, sanh, si, sộp, da giầy, bồ đề, sung, cần thăng, đình lăng, ...</b>		
	Cây mới trồng	đồng/cây	1.000
	Cây có đường kính gốc < 0,5cm	đồng/cây	4.000
	Cây có đường kính gốc ≥ 0,5cm đến < 1cm	đồng/cây	10.000
	Cây có đường kính gốc ≥ 1cm đến < 2cm	đồng/cây	20.000
	Cây có đường kính gốc ≥ 2cm đến < 3cm	đồng/cây	50.000
	Cây có đường kính gốc ≥ 3cm đến < 5cm	đồng/cây	60.000

STT	Chủng loại, quy cách cây trồng	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)
	Cây có đường kính gốc $\geq 5\text{cm}$ đến $< 8\text{cm}$	đồng/cây	70.000
	Cây có đường kính gốc $\geq 8\text{cm}$ đến $< 12\text{cm}$	đồng/cây	100.000
	Cây có đường kính gốc $\geq 12\text{cm}$ đến $< 20\text{cm}$	đồng/cây	150.000
	Cây có đường kính gốc $\geq 20\text{cm}$	đồng/cây	300.000

